

NGŨ TANG LỤC PHŨ

1. TÂM - TIÊU TRƯỜNG

* Có bệnh thường biểu hiện huyết mạch và thân chi trái thường

- Tâm khí hư: hay thở dài, mạch hư. nên bổ tâm khí an tâm thần

- Tâm dương hư: Miệng hàn chi lạnh, mạch trầm tế, nên thông tâm dương, có ứ thì hoạt huyết khử ứ

- Tâm dương hư suy: ra nhiều mồ hôi không dứt mạch nhỏ tương mất. nên hồi dương cứu nghịch

- Tâm âm hư: đầu lưỡi hồng mạch tế sắc nên dưỡng tâm âm

- Tâm huyết hư: lưỡi nhạt mạch tế nhược nên bổ tâm huyết

* Do âm dương hồ căn: tâm âm hư hoặc tâm dương hư đến một mức độ nhất định có thể dẫn đến âm dương khí huyết đều hư.

Cần trị cả âm dương hoặc căn cứ theo tình hình mà thiên về phía nào. Ví dụ âm dương đều hư mà thiên nặng về huyết hư. khi dùng thuốc phải thiên về bổ huyết tâm trong

* Tiêu trường chi thông: Đau bụng dưới cấp tức, đau liên sang vùng lưng, thẳng xuống bộ phận sinh dục. lưỡi trắng mạch trầm huyền

Nên hành khi tán kết

2. PHẪ - ĐẠI TRƯỜNG

- * - Phế chủ tức giáng bệnh phế lâu thành tức
phế khí (lâm mát phổi) lâm phép chữa chủ
yếu. Nhưng phế khí bất tức đốm khô bong
ra, hoặc phế khí đại hư thì cần thăng để bổ
khí
 - Phế thực nhiệt và phế âm hư đều dẫn đến
khối huyết (ho ra máu) lạc huyết
 - Thực nhiệt: phổi có mũ uông kháng sinh
 - Âm hư: Lao thuốc mát bồi bổ tỳ
gây khô sột về chiếu
 - Khi chữa cần xem ảnh hưởng phế - Đại.
 - * - Đám troc trở phế: Tá phế - trục đàm
 - < Hen do viêm phế quản mãn, lao, viêm và tràn
dịch màng phổi, giãn phế quản >
 - Phế hàn khối suyễn: Ôn phế - Khử hàn - trục
đàm
 - < Viêm phế quản cấp mãn, Hen do phế quản
viêm, Hen phế quản thuộc hàn tả gây bệnh.
phổi ướt thuốc hàn >
 - Phế nhiệt khối suyễn: thanh phế, hoá đàm
chi khối bình suyễn (mát, tiêu, dứt - giảm)
 - Phế khí hư: Bồi khí, trục đàm
- cứu Chiên trung.

- Phế âm hư: tư âm dương phế
- Phế Tỳ lưỡng hư: Bô Tỳ ích phế
- Phế thân lưỡng hư: Tư bô phế thân
- Đại trường thấp nhiệt: Thanh lợi thấp nhiệt
(mất - dễ lưu thông)
Tập quán tác bôn không nên tả mã bô
phế khi nhuận đại trường

8 - Tỳ - VI

- * - Tỳ thường là thấp bất kê bị hư, hàn, thực, nhiệt. Có thể thấp thịnh khôn Tỳ hoặc Tỳ hư đưa đến thấp khôn
- Căn theo bệnh: hư thực của Tỳ dễ chuyển hoá cho nhau và thường thực hư lẫn lộn căn xem chủ là gì mã chữa
- Chứng hư của Tỳ thường kèm chứng hư của Tâm, Thân
- Phế hư lâu ngày không khỏi cũng sinh chứng Tỳ hư (Bôi thổ sinh kim)
- Tỳ: Hư hàn, dương hư
Vi: Thực nhiệt, âm hư.
- * - Tỳ dương hư: ôn trung (trung tiêu) kiện Tỳ
(Thân kinh dạ dày, viêm dạ dày mãn, loét tá tràng, công năng tiêu hoá rối loạn, viêm ruột mãn, lỵ mãn, phũ suy dinh dưỡng)
- Tỳ vi hư nhược (khí hư): kiện Tỳ bô khí

3 - Tỳ vi thấp khốn (thấp khốn tỳ dương)

Vấn Tỳ hoá Thấp

Tỳ hư thấp khốn nên kiên Tỳ - khử thấp

< Viêm dạ dày mãn, viêm ruột mãn, lỵ, mãn tính mà thuộc về thấp khốn;

Viêm gan mãn, bệnh phũ thũng mà trước

đã có tỳ hư không thể hóa được thấp

sau lại thấy thấp khốn: Kiên tỳ khử thấp

- Thấp nhiệt nội uẩn (khác can phế là ngựa có chảy nước khi gãi) thanh nhiệt lợi thấp

< Viêm gan siêu vi trùng, cấp tính viêm túi mật thuộc về thấp nhiệt nội uẩn chữa như trên >

- Tâm Tỳ lưỡng hư: bổ tâm, ích (thêm) Tỳ

< Thân kinh cơ năng, bệnh huyết dịch thuộc tâm Tỳ lưỡng hư >

Tỳ Thân dương hư: ôn bổ Tỳ Thân

- Vi hoá thịnh: thanh vi hoá

miệng khát lưỡi khô: thanh nhiệt dưỡng âm. Táo bón: công thực nhiệt. Có thể thanh nhiệt: lương huyết.

Vi âm bất túc: dưỡng âm ích vị

< Lao phổi, viêm dạ dày mãn, đau đường, lỵ >

4. BĂNG QUANG - THÂN

- * - Thân thì ít thực chứng không có biểu chứng. Thân hàn là do dương hư đưa đến. Thân hỏa vượng là do âm hư đưa đến. Chưa căn bản là bỏ thân dương tư thân âm. Thân chủ tạng tinh nên phép bỏ dưỡng thường trên cơ sở bỏ âm, gia thêm bỏ dưỡng. Nếu dưỡng hư quá thể cũng có thể dùng phụ dưỡng để phối âm nhưng chỉ là tạm không nên dùng lâu, nếu không sẽ chuyển thành âm hư

- Băng quang: hư hàn nên bỏ thân dưỡng để trị tận gốc. Băng quang thấp nhiệt thì thanh lợi trực tiếp băng quang.

- * - Thân âm hư: tư dưỡng thân âm. Nếu âm hư hỏa vượng: tư âm giáng hỏa

- Thân dương hư: Ôn bỏ thân dưỡng. Thân khi bất cố: bỏ thân cố sáp (giữ chắc)

- Thân âm dưỡng lưỡng hư: cũng bỏ thân âm thân dưỡng

- Tâm thân bất giao: dưỡng tâm thân

- Băng quang thấp nhiệt: Thanh nhiệt lợi niệu

5. TÂM BAO - TAM TIÊU

- Bao: chướng tại chỗ, các bệnh về tim, rối loạn thần kinh chức năng, hệ thống ngoại ý thức.

- Tam tiêu : thân kinh thực vật. giữ nhịp sinh học nội tạng, tự động điều khiển nhịp hoạt động công năng của nội tạng.

6 - CAN - ĐAM :

- * - Bệnh của can phân nhiều là chứng dương cương, lâu ngày không khỏi dễ tổn hại đến can âm hình thành chứng dương cương âm hư phép chữa nên dưỡng can âm bình can dương
- Hư chứng của can phân nhiều thuộc âm hư Do can thận đồng nguyên nên phép chữa là tự thận dưỡng can
- * - Can uất : nên lưu can khí (thuận tự nhiên)
Nêu kiêm ứ huyết : hoạt huyết
- Can dương thượng cương : bình can tức phong tiêm dưỡng (bình can, dẹp phong dim dưỡng)
Can hỏa thịnh : thanh can tả hỏa
- Can âm bất túc : tự thận dưỡng can
- Đam nhiệt : (Can đàm thấp nhiệt) thanh nhiệt lợi đàm. Đau đớn dữ dội : hành khí hoạt huyết dứt đau (chỉ thông)
Nào huyệt - Đàm du - Dưỡng cường